TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ ÂM NHẠC-MỸ THUẬT

MÔN MỸ THUẬT LỚP 7
(Từ ngày 13/02/2023 đến ngày 25/02/2023)

BÀI 10: HÌNH KHỐI CỦA NHÂN VẬT TRONG ĐIÊU KHẮC

Tiết 1: Lý thuyết-từ ngày 13/02/2023 đến 18/02/2023.
Tiết 2: Thực hành-từ ngày 20/02/2023 đến 25/02/2023-các em không ghi lại phần lý thuyết, chỉ tập trung phần thực hành để hoàn thành bài vẽ.

1. **Khám phá hình khối, tỉ lệ của tượng David**

Quan sát hình và cho biết:
- Tư thế và hình khối của nhân vật.
- Chất liệu tạo hình tác phẩm.
- Tỉ lệ đầu so với cơ thể của nhân vật.

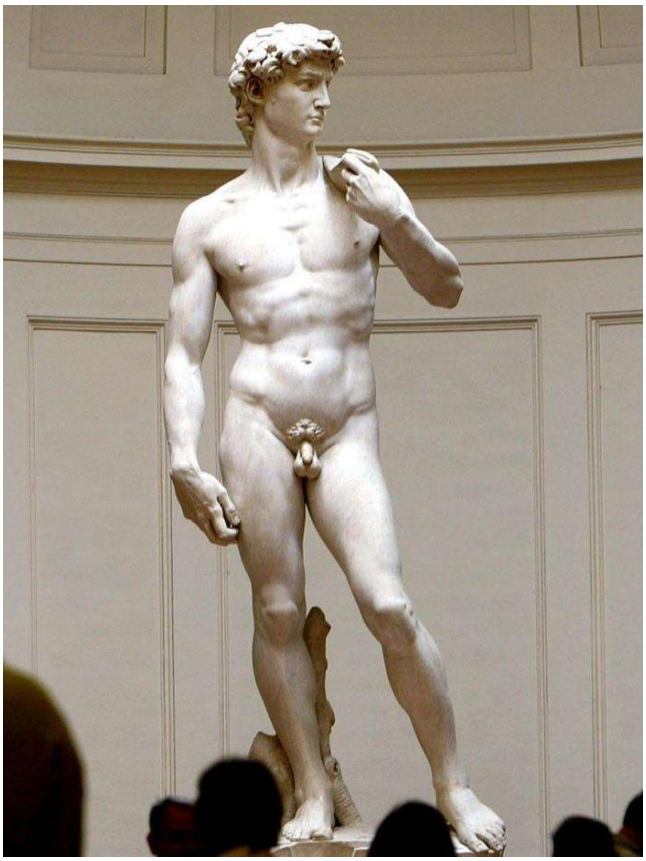

2. **Cách mô phỏng hình khối nhân vật theo mẫu**

Quan sát, chỉ ra cách mô phỏng nhân vật theo hình mẫu bằng dây thép và đất nặn

1. Gấp 1/4 tờ giấy A4 thành 8 phần, vẽ hình nhân vật theo dạng que với đầu người bằng một phần giấy đã gấp.
2. Tạo hình nhân vật bằng dây thép (cốt) và uốn theo tư thế, động tác của hình mẫu.
3. Tạo các bộ phận của nhân vật bằng hình khối cơ bản từ đất nặn.
4. Đắp các khối đất nặn vào cốt tạo hình nhân vật.
5. Tạo đặc điểm riêng của nhân vật, hoàn thiện sản phẩm.

Tạo hình dáng người với tỉ lệ tám đầu có thể mô phỏng được hình khối nhân vật gần với tỉ lệ của tượng David.

3. Tạo hình khối nhân vật bằng dây thép và đất nặn

– Xác định đặc điểm tỉ lệ, hình khối của nhân vật em sẽ thể hiện.
– Thực hiện sản phẩm theo hướng dẫn.

Sản phẩm của học sinh:

1. Ngọc Mai (Yên Bái), Nhảy múa, dây thép và đất nặn.
2. Thủy Anh (Hà Nội), Nhạc công, dây thép và đất nặn.
3. Duy Đức (Ninh Bình), Tập thể dục, dây thép và đất nặn.

4. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

– Nêu cảm nhận và phân tích về:
  + Sản phẩm em ấn tượng.
  + Hình khối và tư thế của nhân vật trong sản phẩm.
  + Kĩ thuật thể hiện..
  + Ý tưởng điều chỉnh để sản phẩm sinh động và hoàn chỉnh hơn.
– Kể tên một tác phẩm điêu khắc của thời kì Trung đại mà em biết.

5. Tìm hiểu nghệ thuật điêu khắc Trung đại thế giới

Quan sát để nhận biết thêm một số tác phẩm điêu khắc Trung đại thế giới tiêu biểu.

1. Gian Lorenzo Bernini (Gian Lô-ren-dô Bơ-ni-ni), David, 1623 – 1624, đá hoa, 170cm.
2. Tác phẩm điêu khắc ở Chùa hang Ajanta (A-gian-ta), Ấn Độ.
3. Michelangelo, Moses (Mô-dít), 1513 – 1515, đá cẩm thạch, 235cm x 210cm.

Nghệ thuật điêu khắc Trung đại thế giới thường thể hiện hình tượng con người với tỉ lệ cân đối, biểu cảm sống động, chân thực. Tiêu biểu có thể kể đến các kiệt tác của nghệ thuật phương Tây như: David, Moses của Michelangelo, David bằng đồng của Donatello, David của Gian Lorenzo Bernini;... và nghệ thuật phương Đông như các tác phẩm điêu khắc ở Chùa hang Ajanta (Ấn Độ),... Những tác phẩm này đã góp phần tạo nên sự phát triển rực rỡ của nghệ thuật Trung đại thế giới.

Mọi thắc mắc PHHS và HS liên hệ:
GVBM BÙI HOÀNG PHƯƠNG 0383871263

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC – MỸ THUẬT

MÔN ÂM NHẠC - KHỐI 7

(Từ ngày 13/02/2023 đến ngày 18/02/2023)

Chủ đề 5: "MÙA XUÂN TƯƠI ĐẸP"

Tiết 21: Bài đọc nhạc số 4

A. LÝ THUYẾT

Bài đọc nhạc 4: *(HS ghi bài vào tập)*

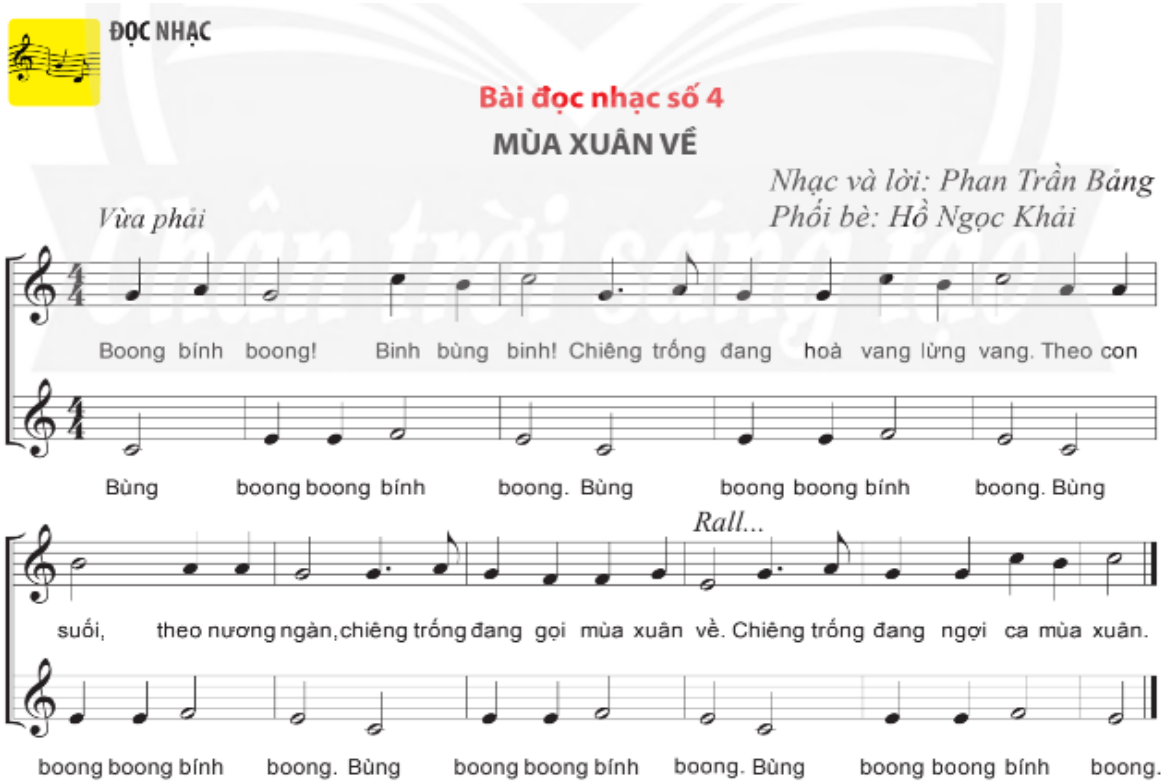

- Tìm hiểu bài hát: nhịp, kí hiệu âm nhạc.
  + Các trường độ: Trắng, đen, đơn, trắng chấm dôi, đen chấm dôi.
- Bài đọc nhạc được chia 2 đoạn.

B. BÀI TẬP

- Xác định trình tự thực hiện trong Bài đọc nhạc số 4

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Huyền Trang SĐT: 0979838830

Cô Mai Trâm SĐT: 0909635678

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGỮ VĂN

MÔN NGỮ VĂN, KHỐI 7

Bài 6:

HÀNH TRÌNH TRI THỨC

(Nghị luận xã hội)

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:

TÔI ĐI HỌC

(Thanh Tịnh)

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc

- HS biết cách đọc phù hợp tốc độ đọc

2. Tác giả, tác phẩm

a. Tác giả

- Thanh Tịnh (1911 - 1988), tên khai sinh là Trần Văn Ninh
- Quê quán: xóm Gia Lạc, ven sông Hương, ngoại ô thành phố Huế
- Phong cách sáng tác: Những sáng tác của Thanh Tịnh toát lên vẻ đằm thắm, tình cảm trong trẻo, êm dịu
- Tác phẩm chính: Quê mẹ, Ngậm ngải tìm trầm, Những giọt nước biển…

b. Tác phẩm

- Thể loại: truyện ngắn
- Xuất xứ: in trong tập Quê mẹ, xuất bản năm 1941
- Phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm, miêu tả
- Người kể chuyện: kể theo ngôi thứ nhất
- Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu văn bản đến "…. lướt ngang trên ngọn núi.": Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật "tôi" trên đường từ nhà tới trường.

+ Phần 2: từ tiếp cho đến "xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.": Tâm trạng cảm xúc của nhân vật khi đứng trước sân trường.

+ Phần 3: Còn lại: Dòng tâm trạng, cảm xúc của nhân vật tôi khi bước vào lớp học và bắt đầu tiết học mới.

II. Suy ngẫm và phản hồi

Câu 1: Những phép so sánh dùng để diễn tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật tôi:

- Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầy trời quang đãng.

=> Tác dụng: So sánh cảm xúc khi nhớ về buổi tựu trường với "cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng". Phép so sánh này diễn tả niềm vui, sự náo nức trong trẻo trong tâm hồn của nhân vật "tôi" khi nhớ lại những kí ức mơn man của buổi tựu trường.

- Ý nghĩ thoáng qua ấy trong trí óc thôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

=> Tác dụng:

So sánh những "ý nghĩ thoáng qua trong trí óc" với "làn mây lướt ngang trên ngọn núi". Phép so sánh này diễn tả những suy nghĩ thoáng qua mơ hồ đầy non nớt của nhân vật tôi khi lần đầu tiên đi học, với đầy những bỡ ngỡ.

Câu 2: Sự thay đổi tâm trạng của nhân vật "tôi" khi vào lớp: không

còn cảm thấy bỡ ngỡ, sợ sệt mà cảm thấy mọi thứ trong lớp học thân quen, quyến luyến. Sự thay đổi tâm trạng ấy là do sự ân cần, nhiệt tình của thầy giáo khi tiếp đón các em học sinh và cả sự trang trí lớp học, bàn ghế, tình bạn thân thiện đã khiến nhân vật "tôi" cảm thấy yên tâm, quen thuộc.

Câu 3: Cụm từ "tôi đi học" gợi ra ý nghĩa:

- Gợi nhắc cột mốc quan trọng của đời người, ngày đầu tiên đi học, với sự trân trọng, nâng niu.
- Gợi tới những bước đầu tiên trên cuộc hành trình lĩnh hội tri thức của cuộc đời, thể hiện thái độ trân trọng việc học tập.

Câu 4: Gợi ý

Mỗi kỉ niệm trong cuộc đời con người là một mảnh ghép trong bức tranh về hành trình lớn lên của mỗi người, kí ức ngày đầu tiên đi học là một mảnh ghép khó phai trong tôi. Đó là một buổi sáng đẹp trời tháng 9 cách đây đã 7 năm, khi ấy tôi còn là một cô bé nhỏ nhắn được mẹ đưa đến trường trong buổi tựu trường đầu tiên. Tôi còn nhớ như in tiết trời đẹp đẽ khi ấy, từng làn gió luồn qua mái tóc như thì thầm đôi điều. Hôm ấy không giống mọi ngày, trong lòng tôi rạo rực một thứ cảm xúc bồi hồi, mong chờ và một chút lo lắng. Mẹ để tôi tự bước từng bước chân vào trường, mọi cảnh vật xa lạ làm cho tôi trở nên rụt rè.

Một ngôi trường mới mẻ, to lớn và khang trang là những kí ức vẹn nguyên mà tôi còn nhớ mãi. Buổi tựu trường đầu tiên đó trở nên vui vẻ hơn bao giờ hết khi tôi được đón chào bằng tình cảm ấm áp của cô giáo và sự thân thiện của bàn bè. Tất cả cứ thế dần trở thành thân thuộc với một cô bé nhút nhát như tôi.

Cảm xúc hồi hộp, vui mừng mà lo lắng của một đứa trẻ khi ấy có lẽ sẽ chẳng bao giờ tôi có thể quên.

III. Tổng kết

1. Nội dung

- Trong cuộc đời mỗi chúng ta, kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò, nhất là buổi tựu trường đầu tiên thường được ghi nhớ mãi. Thanh Tịnh đã diễn tả tinh tế cảm xúc này qua dòng cảm nghĩ trong trẻo của nhân vật “tôi” về những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học

2. Nghệ thuật

- Miêu tả tinh tế, chân thật diễn biến tâm trạng của ngày đầu tiên đi học.
- Sử dụng ngôn ngữ giàu yếu tố biểu cảm, hình ảnh so sánh độc đáo ghi lại dòng liên tưởng, hồi tưởng của nhân vật tôi.
- Giọng điệu trữ tình, trong sáng.

……..

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

ĐỪNG TỪ BỎ CỐ GẮNG

(THEO TRẦN THỊ CẨM QUYÊN)

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc

- HS biết cách đọc phù hợp tốc độ đọc

2.Tác phẩm

- Thể loại: văn bản nghị luận
- Xuất xứ: in trong Văn học và tuổi trẻ
- Phương thức biểu đạt: nghị luận
- Tóm tắt văn bản: Bất kì ai trong chúng ta đều sẽ phải đối mặt với khó khăn, thử thách trong cuộc đời. Nếu muốn thành công, ta phải biết chấp nhận, đối mặt vượt qua thất bại của chính mình. Thomas Edison, Nick Vujicic chính là những tấm gương điển hình, họ đã thành công khi bắt đầu từ những thất bại hàng vạn lần. Thay vì ghét bỏ những khó khăn, thất bại thì chúng ta hãy sống thật ý nghĩa: can đảm đối mặt với khó khăn và đừng bao giờ từ bỏ cố gắng.

II. Suy ngẫm và phản hồi

GỢI Ý TRẢ LỜI PHẦN HƯỚNG DẪN ĐỌC (SGK TRANG 17)

Câu 1 .Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

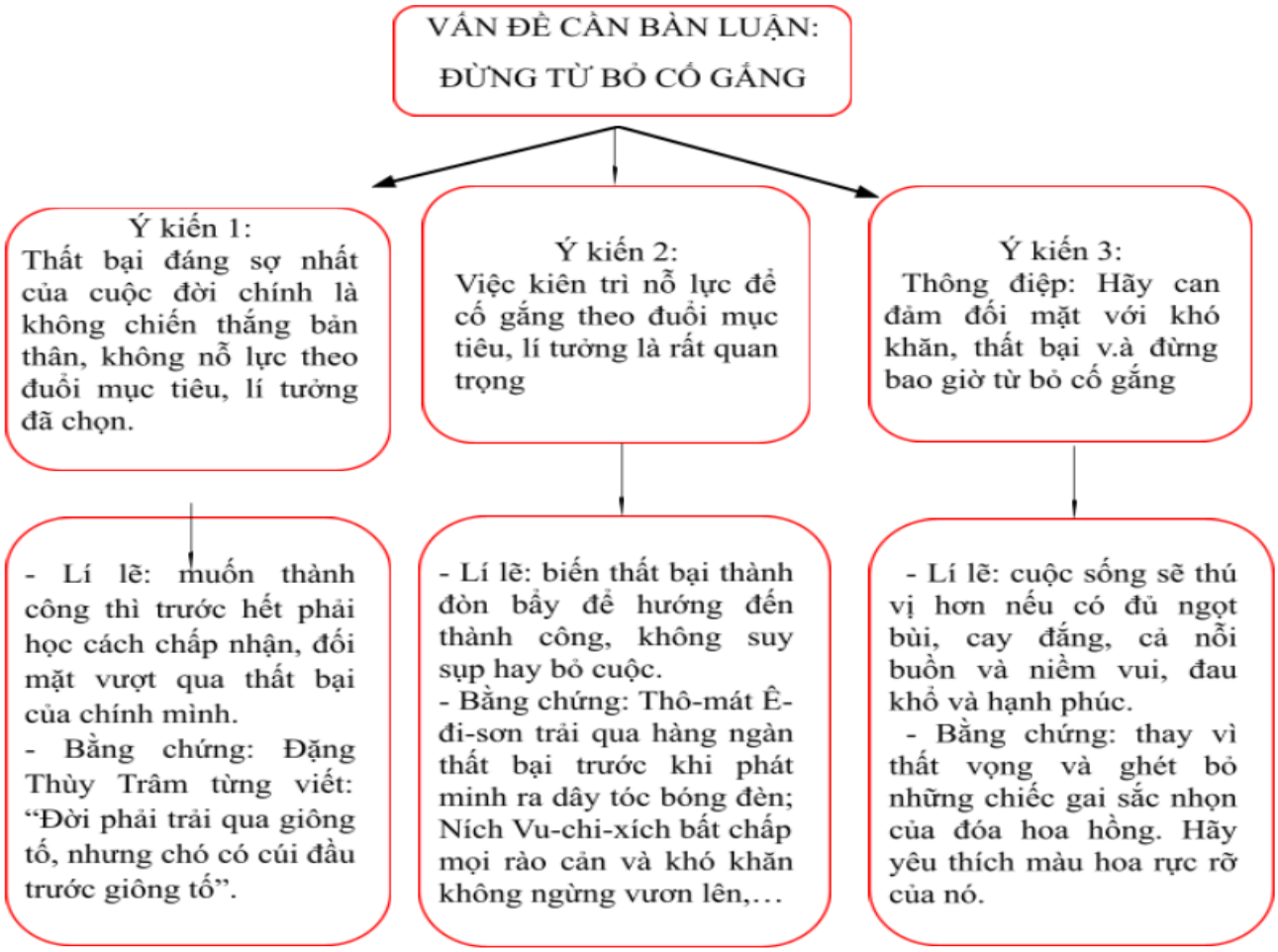

Câu 2. Văn bản trên được viết ra nhằm mục đích gì?

Văn bản *Đừng từ bỏ cố gắng* viết ra nhằm thuyết phục người đọc đối mặt vượt qua thất bại, luôn luôn cố gắng không ngừng để đạt được thành công.

Câu 3.

Đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống	Biểu hiện trong văn bản Đừng từ bỏ cố gắng	Tác dụng trong việc thực hiện mục đích văn bản
Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tính, phản đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.	- "Quả thực như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng".	Khẳng định rõ ràng, mạch lạc quan điểm muốn truyền tải qua văn bản là: thuyết phục người đọc đối mặt vượt qua thất bại, luôn luôn cố gắng không ngừng để đạt được thành công.

	- “Đừng bao giờ từ bỏ nỗ lực và ước mơ, bởi chính sự kiên trì, bên bỉ và những bài học tích lũy được qua những lần vấp ngã sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, giúp ta trưởng thành hơn. - “hãy sống thật ý nghĩa, đừng để thất bại làm bạn gục ngã” - “hãy can đảm đối mặt với khó khăn, thất bại và đưng bao giờ từ bỏ cố gắng”.	
Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe.	- Lí lẽ: muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt vượt qua thất bại của chính mình. - Bằng chứng: Đặng Thùy Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chó có cúi đầu trước giông tố”. - Lí lẽ: biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc. - Bằng chứng: Thô-mát Ê-đi-sơn trải qua hàng ngàn thất bại trước khi phát minh ra dây tóc bóng đèn; Ních Vu-chi-xích bất chấp	Lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đáng tin cậy, được số đông thừa nhận, nhiều người biết đến có tác dụng làm rõ ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận, nhờ đó thuyết phục được người đọc về sự cố gắng sẽ đem lại thành công.

	mọi rào cản và khó khăn không ngừng vươn lên,… - Lí lẽ: cuộc sống sẽ thú vị hơn nếu có đủ ngọt bùi, cay đắng, cả nỗi buồn và niềm vui, đau khổ và hạnh phúc. - Bằng chứng: thay vì thất vọng và ghét bỏ những chiếc gai sắc nhọn của đóa hoa hồng. Hãy yêu thích màu hoa rực rỡ của nó.	
Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.	Đưa ra quan điểm	

III. Tổng kết

1. Nội dung

- Văn bản Đừng từ bỏ cố gắng khuyên mọi người đừng nên nản chí trước thất bại, hãy can đảm đối mặt với khó khăn và đừng bao giờ từ bỏ cố gắng.

2. Nghệ thuật

- Lập luận chặt chẽ, logic, giàu sức thuyết phục
- Các lí lẽ, dẫn chứng được sắp xếp khoa học và có mối liên hệ chặt chẽ

……

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN: ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG

I. Lí thuyết

- Liên kết là một trong những tính chất quan trọng của văn bản, có tác dụng làm cho văn bản trở nên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức.

- Đặc điểm của một văn bản có tính liên kết:

+ Nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.

+ Các câu, các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết thích hợp.

- Một số phép liên kết thường dùng:

+ Phép lặp từ ngữ: lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước.

+ Phép thế: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước.

+ Phép nối: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.

+ Phép liên tưởng: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.

- Những phép liên kết trên khi được sử dụng ở những đoạn văn khác nhau sẽ có chức năng liên kết đoạn

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài 1: Phép lặp từ ngữ là:

a. "Tự học"

b. "Sách"

c. "Tôi", "nhìn", "tôi nhìn"

Bài 2: Phép thế là:

a. Nó thay thế cho sách.

b. Con đường này thay thế cho con đường làng dài và hẹp.

c. Họ thay thế cho mấy cậu học trò mới.

Bài 3: Phép nối là:

a. Nhưng

b. Một là, … Hai là, …

Phép liên tưởng là:

a. Trường liên tưởng lớp học: lớp, hình treo trên tường, bàn ghế

b. Trường liên tưởng bệnh âu sầu: chán đời – nỗi đau khổ.

c. Trường liên tưởng quan điểm về kẻ mạnh: kẻ giẫm lên vai người khác để thỏa mãn lòng ích kỉ – kẻ giúp đỡ người khác trên đôi vai mình.

Bài 5:

- Phép nối: Trước hết… Hơn nữa…
- Phép lặp: tự học

……..

VIẾT

BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

* Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống: thuộc thể nghị luận xã hội. Trong đó, người viết đưa ra ý kiến của mình về một vấn đề gợi ra từ các hiện tượng, sự việc trong đời sống, hoặc một vấn đề thuộc về lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.

* Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nêu được vấn đề cần bàn luận
- Trình bày được ý kiến tán thành, phản đối của người viết với vấn đề cần bàn luận
- Đưa ra lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ý kiến trên.

* Bố cục

+ Mở bài: giới thiệu vấn đề cần bàn luận và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về vấn đề ấy.

+ Thân bài: giải thích vấn đề cần bàn luận; đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể lí giải cho ý kiến của người viết; sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; đưa ra

được bằng chứng đa dạng, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ; xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện.

II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Văn bản: Ý nghĩa của sự tha thứ

Câu 1: Văn bản Ý nghĩa của sự tha thứ viết ra nhằm thuyết phục người đọc về ý nghĩa của sự tha thứ trong đời sống của con người.

Câu 2:

Yêu cầu đối với kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống	**Biểu hiện trong bài văn *Ý nghĩa của sự tha thứ***
Nêu được vấn đề cần bàn luận	Mở bài, tác giả nêu: Từ đó, ta thấy được vai trò thiết yếu của sự tha thứ trong đời sống của con người
Trình bày được ý kiến tán thành, phản đối của người viết với vấn đề cần bàn luận	Câu văn thể hiện ý kiến của người viết: Thật vậy, sự tha thứ là món quà quý giá mà chúng ta tặng cho người khác và chính mình-> Quan điểm đề cao vai trò của sự tha thứ
Đưa ra lí lẽ, bằng	Bài văn đã đưa ra hai lí lẽ và hai bằng chứng để

chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ ý kiến	làm sáng tỏ ý kiến của tác giả về tầm quan trọng của sự tha thứ

Câu 4:

- Đoạn văn có chức năng giải thích: Tha thứ chính là bỏ qua cho người khác…người mắc lỗi sửa sai (đoạn văn thứ 2).

- Đoạn văn có chức năng bổ sung, xem xét vấn đề từ nhiều khía cạnh: Tuy thế, ta cần tránh nhầm lẫn… hàn gắn cho quá khứ (đoạn văn thứ 5).

Câu 5:

- Ở phần kết bài, tác giả đã đề xuất giải pháp để lam tỏa sự tha thứ trong cuộc sống:

+ Đặt mình vào vị trí của người khác, cố gắng hiểu nguyên nhân, hoàn cảnh dẫn họ đến sai lầm.

+ Có thể viết thư cho những người từng mắc lỗi với ta để thể hiện sự tha thứ và tình yêu thương.

- Theo em, giải pháp mà tác giả đưa ra có hợp lí vì khi đặt mình vào vị trí người khác sẽ dễ dàng hiểu được nguyên nhân dẫn đến sai lầm của họ. Từ đó cảm thông, tha thứ cho sai lầm ấy. Còn việc viết thư cho người từng mắc lỗi với ta có thể xảy ra hoặc không do tính cách và suy nghĩ mỗi người. Bởi suy cho cùng mục đích hướng đến là sự bình yên trong tâm hồn.

+ Kết bài: khẳng định lại ý kiến, đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động.

……

MÔN CÔNG NGHỆ 7
GV: TRƯƠNG THỊ BÍCH HIỀN – ĐT 0908902771

Tuần 21: từ 30/1 đến 4/2/2023

PHẦN 2: CHĂN NUÔI

CHƯƠNG 4: MỞ ĐẦU VỀ CHĂN NUÔI

TIẾT 19, BÀI 8: NGHỀ CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM

I/ VAI TRÒ, TRIỂN VỌNG CỦA NGÀNH CHĂN NUÔI TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

1.1. Vai trò của chăn nuôi

+ Chăn nuôi cung cấp nguồn thực phẩm cho con người, nguyên liệu cho xuất khẩu và cung cấp nguồn phân bón hữu cơ quan trọng cho trồng trọt,...

1.2. Triển vọng của ngành chăn nuôi

+ Hiện nay, chăn nuôi đang hướng tới phát triển theo hướng trang trại, công nghiệp hóa hiện đại hóa, chăn nuôi hữu cơ nhằm nâng cao chất lượng và sản lượng

II/ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

2.1. Đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi

- Nghề chăn nuôi trâu, bò
- Nghề chăn nuôi lợn.
- Nghề chăn nuôi gia cầm.

-> Lao động chăn nuôi: lên kế hoạch, tổ chức và thực hiện các hoạt động chăn nuôi để nhân giống, chăm sóc, xử lý chất thải…

2.2. Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi

- Kiến thức về kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.
- Có kĩ năng vận hành máy móc, thiết bị chăn nuôi
- Có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, yêu động vật

MÔN CÔNG NGHỆ 7
GV: TRƯƠNG THỊ BÍCH HIỀN – ĐT 0908902771

Tuần 22: từ 6/2 đến 11/2/2023

TIẾT 20, BÀI 9: MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM

1. *Một số loại vật nuôi phổ biến ở Việt Nam*

1.1. Gia súc ăn cỏ

Một số loài gia súc ăn cỏ phổ biến ở Việt Nam như trâu, bò, dê..được nuôi nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

1.2. Lợn

Một số giống lợn phổ biến ở Việt Nam như lợn Móng Cái, lợn Landrace và lợn Yorkshire,...được nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.

1.3. Gia cầm

Một số giống gia cầm được nuôi phổ biến ở Việt Nam như gà Ri, gà Hồ, vịt cỏ, vịt bầu,...được nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.

2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam

Có 3 phương thức chăn nuôi được áp dụng phổ biến ở nước ta là chăn thả, nuôi nhốt và bán chăn thả.

+ Phương thức chăn thả: vật nuôi không bị nhốt hay cột giữ và tự tìm kiếm thức ăn trong khu vực chăn thả.

+ Phương thức nuôi nhốt (công nghiệp): vật nuôi sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp và được kiểm soát dịch bệnh.

+ Phương thức bán chăn thả: kết hợp nuôi trong chuồng và vườn chăn thả. Vật nuôi được ăn bổ sung thức ăn chăn nuôi công nghiệp, được thả ở vườn chăn thả một phần thời gian trong ngày để vận động và tự kiếm ăn.

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: KHTN

MÔN KHTN – KHỐI 7

(Từ ngày 13/2/2023 đến ngày 18/2/2023)

BÀI 22: VAI TRÒ CỦA TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT

A. LÝ THUYẾT

1. KHÁI NIỆM TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HOÁ NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT

*** Tìm hiểu khái niệm trao đổi chất**

Trao đổi chất ở sinh vật gồm quá trình:

+ Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.

+ Chuyển hoá các chất diễn ra trong tế bào.

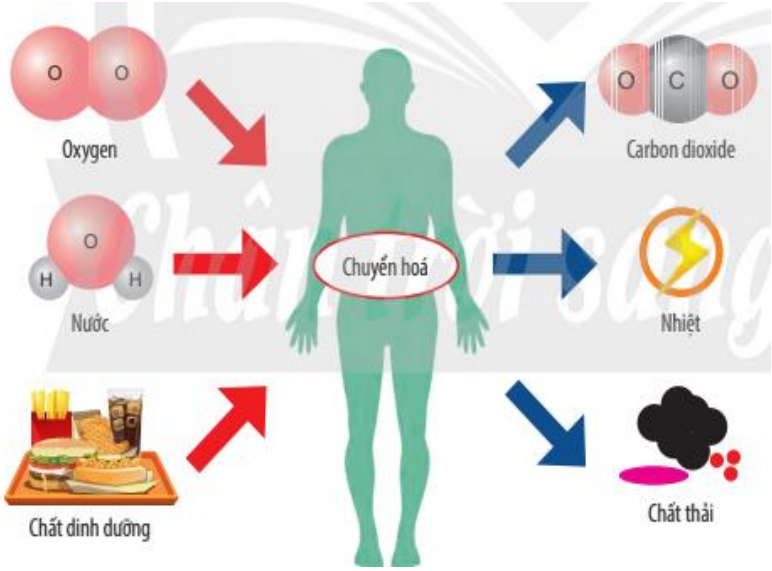

Hình. Sơ đồ mô tả quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở người

Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường là quá trình cơ thể lấy các chất cần thiết từ môi trường (như nước, khí oxygen, chất dinh dưỡng, ...) và thải các chất không cần thiết (như khí carbon dioxide, chất cặn bã, ...) ra ngoài môi trường.

Chuyển hoá các chất trong tế bào là tập hợp tất cả các phản ứng hoá học diễn ra trong tế bào, được thể hiện qua quá trình tổng hợp và phân giải các chất.

Ví dụ: Tổng hợp đường glucose từ nước và carbon dioxide trong quá trình quang hợp ở thực vật; phân giải đường glucose trong quá trình hô hấp.

Ví dụ: Thỏ ăn cà rốt từ môi trường để bổ sung các chất dinh dưỡng cho cơ thể, tạo năng lượng cung cấp cho hoạt động chạy, nhảy, đồng thời thải ra môi trường các chất thải

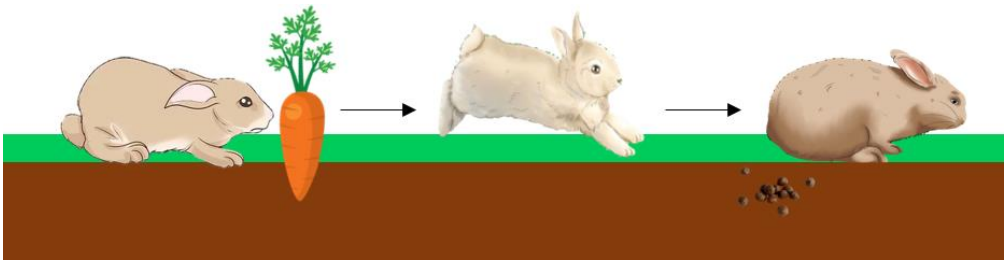

Ý nghĩa: Trao đổi chất giữa cơ thể và môi trường là điều kiện tồn tại và phát triển của cơ thể, là đặc tính cơ bản của sự sống.

*** Tìm hiểu khái niệm chuyển hoá năng lượng**

Chuyển hoá năng lượng là sự biến đổi từ dạng này sang dạng khác.

Ví dụ: Năng lượng ánh sáng mặt trời (quang năng) được chuyển hoá thành năng lượng được tích trữ trong các liên kết hoá học (hoá năng) trong quá trình quang hợp.

→Trao đổi chất **luôn đi kèm** với chuyển hoá năng lượng.

*** Ghi nhớ**

- Trao đổi chất ở sinh vật là quá trình cơ thể lấy các chất từ môi trường cung cấp cho quá trình chuyển hóa trong tế bào, đồng thời thải các chất không cần thiết ra ngoài môi trường.
- Chuyển hoá năng lượng là sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
- Quá trình trao đổi chất luôn đi kèm với chuyển hóa năng lượng.

2. VAI TRÒ CỦA TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG TRONG CƠ THỂ

Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng có nhiều vai trò quan trọng đối với cơ thể như:

+ Cung cấp nguyên liệu cấu tạo, thực hiện chức năng của tế bào và cơ thể.

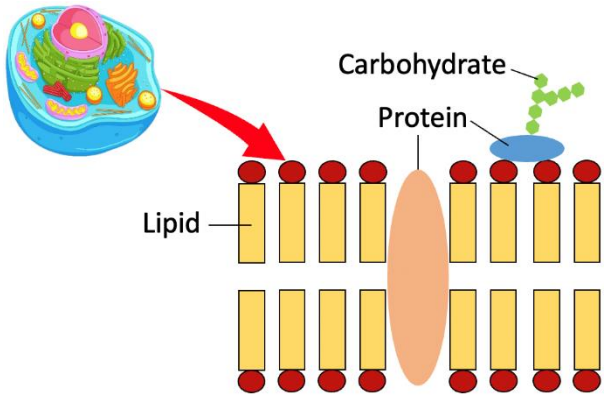

Hình. Protein là thành phần cấu tạo nên màng sinh chất

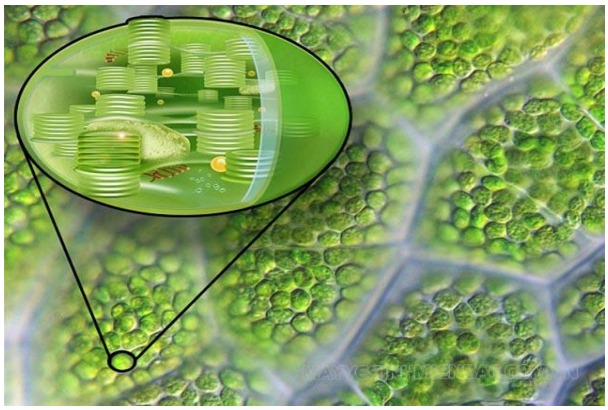

Hình. Diệp lục tham gia quá trình quang hợp

+ ***Đảm bảo cho sinh vật tồn tại***

+ ***Giúp cơ thể sinh trưởng và phát triển***

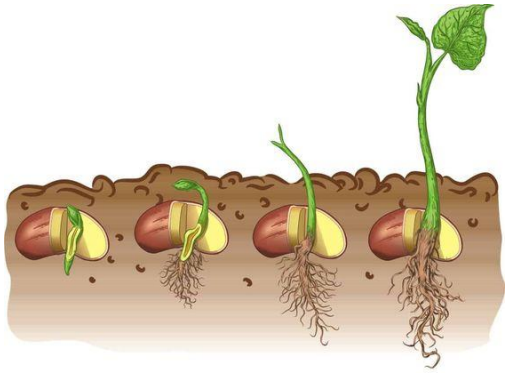

Hình. Sinh trưởng và phát triển ở cây đậu **Hình.** Sinh trưởng và phát triển ở sâu bướm

+ ***Cung cấp năng lượng:*** Quá trình phân giải các chất hữu cơ giải phóng năng lượng để cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể như vận động, vận chuyển các chất, sinh trưởng và phát triển, cảm ứng, sinh sản, ...

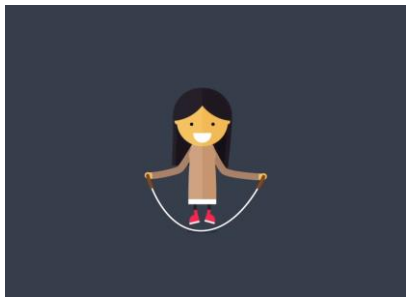

*** Ghi nhớ**

Quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng đóng vai trò quan trọng đối với sinh vật như cung cấp nguyên liệu cấu tạo nên tế bào và cơ thể, cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống. Nhờ đó, sinh vật có thể duy trì sự sống, sinh trưởng, phát triển và sinh sản.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

Câu 1. Trao đổi chất ở sinh vật là quá trình trao đổi giữa……với môi trường:

A. Cơ thể **B.** Môi trường **C.** Tự nhiên **D.** Không khí

Câu 2. Trao đổi chất ở sinh vật là quá trình trao đổi giữa cơ thể với…….:

A. Cơ thể **B.** Môi trường **C.** Tự nhiên **D.** Không khí

Câu 3. Chuyển hóa vật chất là sự biến đổi từ dạng năng lượng này sang ……

A. Năng lượng lớn hơn **B.** Năng lượng nhỏ hơn

C. Năng lượng như nhau **D.** Năng lượng khác

Câu 4. Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng:

A. Để tiêu tốn năng lượng **B.** Để tạo ra năng lượng

C. Để duy trì sự sống **D.** Để tạo ra chất thải

Câu 5. Các chất hữu cơ được cơ thể tổng hợp trong quá trình trao đổi chất cung cấp nguyên liệu để:

A. Tạo ra chất thải làm ô nhiễm môi trường

B. Tạo ra chất dinh dưỡng cho cơ thể

C. Giúp cơ thể lớn lên và sản sinh ra tế bào con

D. Để thải ra môi trường dưới dạng nhiệt

Câu 6. Qúa trình chuyển hóa năng lượng tạo ra:

A. Năng lượng cho các hoạt động của cơ thể

B. Xây dựng tế bào và cơ thể

C. Giúp cơ thể lớn lên

D. Sản sinh tế bào con

Câu 7. Tại sao khi chạy cơ thể nóng lên, mồ hôi ra nhiều, nhịp thở và nhịp tim tăng lên, có biểu hiện khát nước hơn so với lúc chưa chạy?

Hình. Chạy bộ

Câu 8. Vai trò của trao đổi và chuyển hóa các chất?

DẶN DÒ

- Học sinh dựa vào Sách KHTN7 tìm hiểu các thông tin.

- Hoàn thành các nội dung Bài tập vận dụng.

* Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ:

- Cô Tâm: 0975375268

- Cô Oanh: 0374560523

- Thầy Tâm: 0779442859

- Cô Tuyết: 0389097016

- Cô Tiểu Y: 0389928322

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 7

(Từ ngày 13/2/2023 đến ngày 18/2/2022)

A. LÝ THUYẾT

Bài 15: CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI LÝ (1009 - 1225) _Tiết 1,2

1. Sự thành lập nhà Lý:

- Năm 1009 vua Lê Long Đĩnh mất.
- Triều thần đã tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua, nhà Lý được thành lập
- Năm 1010 Lý Thái Tổ đặt niên hiệu là Thuận Thiên, dời đô về Đại La đổi tên là thành Thăng Long.

2. Tình hình chính trị

- Năm 1054 nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt.
- Trung ương: đứng đầu là vua, dưới có quan đại thần và các quan ở hai ban văn, võ
- Địa phương: cả nước chia thành 24 lộ (phủ) -> huyện (hương) -> xã.
- Năm 1042 nhà Lý ban hành bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta – bộ luật Hình thư.
- Quân đội gồm hai bộ phận: cấm quân và quân địa phương. Thi hành chính sách ngụ binh ư nông.
- Củng cố khối đoàn kết dân tộc. Đặt quan hệ ngoại giao bình thường với nhà Tống, Cham pa. Kiên quyết bảo toàn lãnh thổ.

<u>BÀI 13</u>: PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ, VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI CHÂU MỸ

1. Phát kiến ra châu Mỹ - Tân thế giới

- Năm 1492 – 1502, Cô – lôm – bô thực hiện 4 cuộc hải trình vượt Đại Tây Dương từ châu Âu sang châu Mỹ
- Phát kiến ra châu Mỹ đã khẳng định dạng hình cầu của Trái Đất, mở ra những nhận thức mới về thế giới.

2. Vị trí địa lí và phạm vi của châu Mỹ

- Diện tích: 42 triệu km^2 (đứng thứ 2 thế giới sau châu Á) nằm hoàn toàn ở nửa cầu Tây.
- Châu Mỹ nằm trải dài trên nhiều vĩ độ, từ vùng cực Bắc đến gần châu Nam Cực.
- Giới hạn

+ Phía Bắc giáp Bắc Băng Dương

+ Phía Tây giáp Thái bình dương

+ Phía Đông giáp Đại Tây Dương

- Châu Mỹ gồm 3 khu vực:

+ Bắc Mỹ gồm Cannada, Hoa Kì

+ Trung Mỹ gồm dải đất Mêhicô đến Panama và các đảo, quần đảo trong biển Caribê

+ Nam Mỹ là vùng đất rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia ở phía Nam Panama.

B. **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**

CÂU 1: Đọc thông tin, tư liệu và quan sát hình 14.1, hãy trình bày sự thành lập nhà Lý và đánh giá sự kiện Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La.

Hình 14.1. Tượng đài Lý Thái Tổ
(Hoàn Kiếm, Hà Nội)

……

……

……

……

……

CÂU 2: Việc phát kiến ra Châu Mỹ của Cô-lôm-bô mang lại những hệ quả nào?

……

……

……

……

……

CÂU 3: Em hãy sưu tầm thông tin và viết một đoạn văn ngắn mô tả các cuộc hành trình đến châu Mỹ của C. Cô-lôm-bô (thời gian, nơi xuất phát, các vùng đất đã đến,...).

……

……

……

……

……

C. DẶN DÒ

- **Học bài cũ của 2 phân môn Lịch sử và Địa lí**
- **Xem trước bài mới.**

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Thắng

-SĐT: 0962253101

Trường THCS Phan Công Hớn Tổ Toán	ĐẠI SỐ: Tuần 2_HK2

BÀI 1: LUYỆN TẬP TỈ LỆ THỨC - DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU (TIẾT 3)

3. Luyện tập

Bài tập 4/sgk

a) Từ $2.a = 5.b \Rightarrow \frac{a}{5} = \frac{b}{2}$ và $3a + 4b = 46$

Ta có

$$\frac{a}{5} = \frac{b}{2} = \frac{3a}{15} = \frac{4b}{8} = \frac{3a+4b}{15+8} = \frac{46}{23} = 2$$

Vậy $a = 2.5 = 10; b = 2.2 = 4$

b) Ta có $a:b:c = 2:4:5$ và $a + b - c = 3$

suy ra $\frac{a}{2} = \frac{b}{4} = \frac{c}{5} = \frac{a+b-c}{2+4-5} = \frac{3}{1} = 3$

Vậy $a = 3.2 = 6; b = 3.4 = 12; c = 3.5 = 15$

***Vận dụng 4.**

a)Gọi kg dừa và kg đường cần dùng để làm mứt dừa là x, y có

x:y = 2:1 hay $\frac{x}{2} = \frac{y}{1}$ và x+y =6

Ta có $\frac{x}{2} = \frac{y}{1} = \frac{x+y}{2+1} = \frac{6}{3} = 2$

Vậy x = 2.2 = 4; y = 2.1 = 2

Vậy để làm 6kg mứt dừa cần 4kg dừa và 2 kg đường.

b) Gọi số gam đường cần dùng là a.

Theo đề bài ta có $\frac{600}{a} = \frac{3}{2}$

Suy ra $a = \frac{600.2}{3} = 400$

Vậy với 600g gừng cần 400g đường để làm mứt.

c) Gọi số vở chia cho hai chị em lần lượt là a; b; a + b = 10.

Vì số vở tỉ lệ với số tuổi nên $\frac{a}{8}=\frac{b}{12}$

Ta có $\frac{a}{8}=\frac{b}{12}=\frac{a+b}{8+12}=\frac{10}{20}=\frac{1}{2}$

Suy ra $a=8.\frac{1}{2}=4; b=12.\frac{1}{2}=6$

Vậy An được 4 quyển vở và Bình được 6 quyển vở.

Bài tập 5.

Gọi chiều rộng và chiều dài hình chữ nhật lần lượt là a và b (cm)

Ta có (a+b).2 = 28 => a + b = 14.

Hai cạnh tỉ lệ với 3; 4 nên $\frac{a}{3}=\frac{b}{4}$

Ta có $\frac{a}{3}=\frac{b}{4}=\frac{a+b}{3+4}=\frac{14}{7}=2$

Suy ra a = 6; b = 8

Diện tích hình chữ nhật là: $6.8=48(cm^2)$

Bài tập 8.

$a)\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=>\frac{a}{c}=\frac{b}{d}=\frac{a+b}{c+d}$

$=>\frac{a+b}{b}=\frac{c+d}{d}$

$c)\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=>\frac{a}{c}=\frac{b}{d}=\frac{a+b}{c+d}$

$=>\frac{a}{a+b}=\frac{c}{c+d}$

Hướng dẫn tự học ở nhà

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại khái niệm tỉ lệ thức và tính chất tỉ lệ thức; tính chất tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau.

- Làm bài tập 6 sgk

- Xem trước bài : "*Đại lượng tỉ lệ thuận* ".

BÀI 2 : ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN (tiết 1)

1. Đại lượng tỉ lệ thuận:

a) c = 4.h.

b) Điểm giống nhau là đại lượng này bằng đại lượng kia nhân với hằng số khác 0

Cho k là hằng số khác 0, ta nói đại lượng y tỉ lệ thuận với đại lượng x theo hệ số tỉ lệ k nếu y liên hệ với x theo công thức: y = kx.

Từ y = kx (k ≠ 0) ta suy ra x = $\frac{1}{k}$y. Vậy nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k thì x cũng tỉ lệ thuận với y theo hệ số tỉ lệ $\frac{1}{k}$ và ta nói hai đại lượng x, y tỉ lệ thuận với nhau.

Ví dụ 1:

a/ Nếu y = 10x thì ta nói đại lượng y tỉ lệ thuận với đại lượng x theo hệ số tỉ lệ 10.

b/ Nếu c = 4h thì ta nói đại lượng c tỉ lệ thuận theo hệ số tỉ lệ 4

c/ Nếu s = 80t thì ta nói đại lượng s tỉ lệ thuận với đại lượng t theo hệ số tỉ lệ 80.

Thực hành 1:

a/ Đại lượng x tỉ lệ thuận với đại lượng f theo hệ số tỉ lệ $\frac{1}{5}$

b/ P = 9,8m

Vận dụng 1:

Đồng: m = 8900V

Vàng: m = 19300V

Bạc: m = 10500V

2. Tính chất của các đại lượng tỉ lệ thuận

a/ Vì y tỉ lệ thuận với x nên y = k x

⇒ k = y : x = 5 : 1 = 5

Do đó ta có công thức: y = 5.x

b) y_2 = 5.2 = 10 ; y_3 = 5.6 = 30 ;

y_4 = 5.100 = 500

c) $\frac{y_1}{x_1} = \frac{y_2}{x_2} = \frac{y_3}{x_3} = \frac{y_4}{x_4} = 5$

Từ đó ta có:

$\frac{x_1}{x_2} = \frac{y_1}{y_2}; \frac{x_1}{x_3} = \frac{y_1}{y_3}, \ldots$

Nếu hai đại lượng y và x tỉ lệ thuận với nhau thì:

- Tỉ số hai giá trị tương ứng của chúng luôn không đổi:

$$\frac{y_1}{x_1} = \frac{y_2}{x_2} = \frac{y_3}{x_3} = \cdots$$

- Tỉ số hai giá trị tùy ý của đại lượng này bằng tỉ số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia:

Thực hành 2:

a/ Hai đại lượng m và n không tỉ lệ thuận. Vì không cùng hệ số tỉ lệ.

b/ Hai đại lượng m và n k tỉ lệ thuận. Vì cùng hệ số tỉ lệ là -5.

Hướng dẫn tự học ở nhà :

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại công thức liên hệ và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận.
- Làm bài tập 1 ; 2 SGK/trang 14.
- Xem trước phần 3: một số bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận.

BÀI 2: TAM GIÁC BẰNG NHAU (tiết 1,2)

1. Hai tam giác bằng nhau

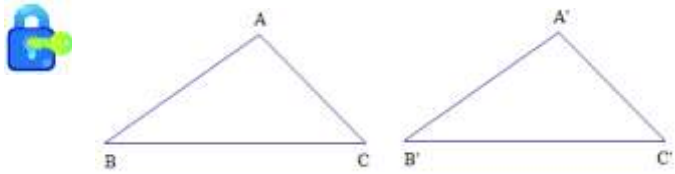

Ta có:

$AB = A'B'; BC = B'C'; AC = A'C'.$

và $A = A'; B = B'; C = C'.$

Hai đỉnh A và A' (B và B', C và C') gọi là hai đỉnh tương ứng.

Hai góc A và A' (B và B', C và C') gọi là hai góc tương ứng.

Hai cạnh AB và $A'B'$ (AC và $A'C'$, BC và $B'C'$) gọi là hai cạnh tương ứng.

*** Khái niệm:**

Hai tam giác bằng nhau là hai tam giác có các cạnh tương ứng bằng nhau, các góc tương ứng bằng nhau.

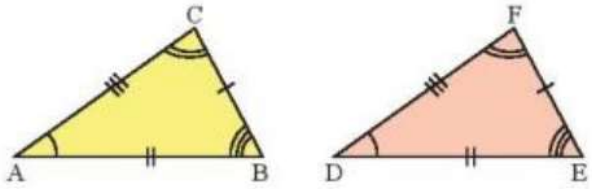

Hai tam giác ABC và DEF bằng nhau được kí hiệu là $\Delta ABC = \Delta DEF$

* Chú ý: (SGK/48)

Thực hành 1 SGK/49.

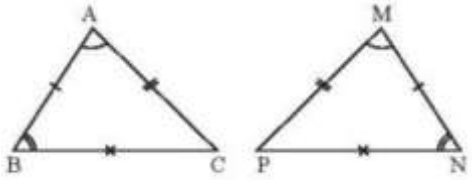

Hình 4

+ Hai tam giác ABC và MNP có bằng nhau vì có các cạnh tương ứng bằng nhau, các góc tương ứng bằng nhau.

+ Các cặp góc tương ứng bằng nhau là: $A = M; B = N; C = P$

vì: $C = 180^0 - \left(A + B\right)$

$P = 180^0 - \left(M + N\right)$

mà: $A = M; B = N \Rightarrow C = P$

+ Các cặp cạnh tương ứng bằng nhau là: $AB = MN; BC = NP; AC = MP.$

Vận dụng 1:

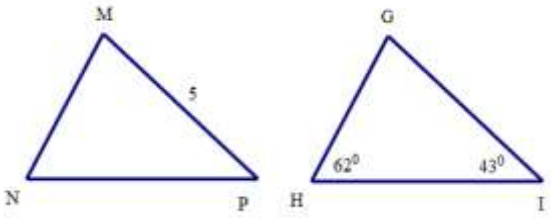

ΔGHI có:

$G = 180^0 - \left(H + \hat{I}\right)$ (theo đ/l tổng 3 góc của một tam giác)

Thay số: $G = 180^0 - \left(62^0 + 43^0\right) = 75^0$

vì $\Delta GHI = \Delta MNP$

$\Rightarrow M = G = 75^0$ (hai góc tương ứng)

$GI = MP = 5$ (hai cạnh tương ứng).

2. Các trường hợp bằng nhau của tam giác

Trường hợp bằng nhau thứ nhất: cạnh – cạnh – cạnh (c.c.c)

Tính chất: Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau.

Ví dụ 2 SGK/50

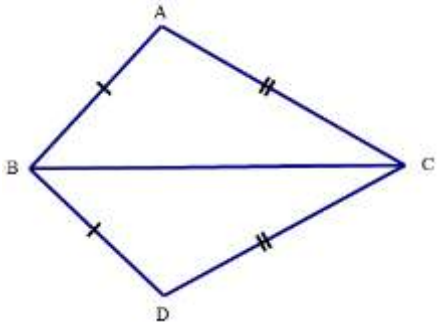

Xét ΔABC và ΔDBC có:

$AB = DB$

$AC = DC$

BC chung

$\Rightarrow \Delta ABC = \Delta DBC$ (c.c.c)

<u>Bài 1/SGK/57:</u>

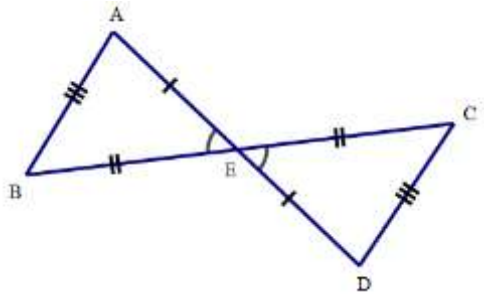

a) $\Delta ABE = \Delta DCE$

b) $\Delta EAB = \Delta EDC$

c) $\Delta BAE = \Delta CDE$

<u>Bài 2/SGK/57:</u>

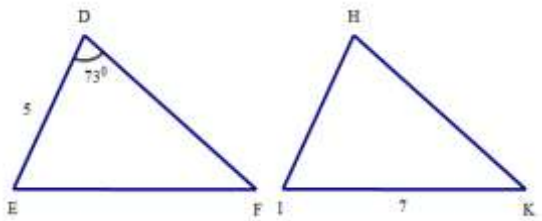

vì $\Delta DEF = \Delta HIK$ nên:

$H = D = 73^0$ (hai góc tương ứng)

$HI = DE = 5$ (hai cạnh tương ứng)

$EF = IK = 7$ (hai cạnh tương ứng)

Bài 3/SGK/58:

Hai tam giác bằng nhau ABC và DEF (các đỉnh chưa viết tương ứng), trong đó $A = E; C = D$

$\Rightarrow \Delta ABC = \Delta EFD$

+ Các cặp cạnh tương ứng bằng nhau là: $AB = EF; BC = FD; AC = ED.$

+ Các cặp góc tương ứng bằng nhau là: $\mathrm{B} = \mathrm{F}$

Bài 4/SGK/58:

vì $\Delta MNP = \Delta DEF$ nên:

$NP = EF = 6(cm)$ (hai cạnh tương ứng)

Chu vi ΔMNP là:

$MN + NP + MP = 4 + 6 + 5 = 15(cm)$

Hướng dẫn tự học ở nhà

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại trường hợp bằng nhau thứ nhất của hai tam giác cạnh – cạnh – cạnh (c.c.c).
- Giải lại các bài tập đã giải và làm bài tập 2, 3 SGK/trang 57, 58.
- Xem trước phần: Trường hợp bằng nhau thứ hai: cạnh – góc – cạnh (c.g.c).